

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG ANA  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 04/2021/DS-ST

Ngày: 01 - 3 - 2021

*V/v tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Ngọc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Thế Chiến;
2. Bà Bùi Thị Thiềm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hoàng Bảo Thụy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Thị Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2021 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Bá H, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Ngọc C (Tên gọi khác: T), sinh năm 1970. Ông H, bà C có mặt.

Cùng địa chỉ: Số nhà 157 đường H, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Hẻm 49, đường M, tổ dân phố 5, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phan Minh P, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số nhà 30 đường K, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 10 năm 2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc C và ông Phạm Bá H trình bày:*

Ngày 30/4/2017 âm lịch (tức ngày 25/5/2017 dương lịch) vợ chồng ông Phạm Bá H, bà Nguyễn Ngọc C cho vợ chồng ông Phan Minh P, bà Nguyễn Thị

V vay số tiền 315.000.000 đồng (*ba trăm mười lăm triệu đồng*), hạn đến cuối tháng 11/2017 âm lịch (ngày 30/11/2017 âm lịch là ngày 16/01/2018 dương lịch) sẽ trả đủ số tiền trên. Khi vay ông H, bà C có viết “đơn vay tiền” và bà V ký nhận, lãi suất thỏa thuận miệng là 1,5%/tháng, không thế chấp giấy tờ, tài sản gì. Do ông P là em họ của bà C nên ông H, bà C tin tưởng và không yêu cầu ông P ký vào “đơn vay tiền”. Từ khi vay tiền đến nay ông P, bà V chưa trả cho ông H, bà C khoản tiền gốc và tiền lãi nào. Đến hạn trả tiền ông H, bà C yêu cầu ông P, bà V trả tiền nhưng ông P, bà V không trả.

Ông H, bà C khởi kiện yêu cầu ông P, bà V phải trả cho vợ chồng ông H, bà C số tiền nợ gốc là 315.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa ông H, bà C thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Ông H, bà C yêu cầu một mình bà Nguyễn Thị V có trách nhiệm trả cho ông H, bà C số tiền nợ gốc là 315.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ông H, bà C không yêu cầu ông Phan Minh P trả khoản nợ này.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:*

Ngày 30/4/2017 âm lịch (tức ngày 25/5/2017 dương lịch) bà Nguyễn Thị V có vay của vợ chồng ông Phạm Bá H, bà Nguyễn Ngọc C số tiền 315.000.000 đồng (*ba trăm mười lăm triệu đồng*), hạn trả là cuối tháng 11/2017 âm lịch (ngày 30/11/2017 âm lịch là ngày 16/01/2018 dương lịch). Khi vay tiền bà V và ông H, bà C có viết “đơn vay tiền” và bà V ký nhận, lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng, từ khi vay tiền đến nay bà V chưa trả cho ông H và bà C khoản tiền gốc và tiền lãi nào. Mục đích vay tiền để đầu tư làm ăn chung trong gia đình, khi vay không thế chấp giấy tờ, tài sản gì. Chỉ một mình bà V vay tiền và ký nhận nợ với ông H và bà C, bà V không nói với chồng là ông Phan Minh P về khoản vay này. Tháng 10/2018 vợ chồng bà V, ông P ly hôn, từ đó đến nay bà V và ông P không còn sống chung nên ông P không biết gì về khoản nợ này. Do kinh tế gia đình khó khăn nên bà V chưa trả được tiền cho ông H, bà C như đã thỏa thuận.

Bà V xác định hiện nay bà còn nợ ông H, bà C số tiền gốc là 315.000.000 đồng, đây là khoản nợ do một mình bà V vay của ông H, bà C, ông P không biết về khoản nợ này, nên bà V tự chịu trách nhiệm trả khoản nợ 315.000.000 đồng cho ông H, bà C, bà V không yêu cầu ông Phan Minh P cùng bà trả khoản tiền này cho ông H, bà C. Về thời hạn trả nợ bà V đề nghị ông H, bà C cho bà V trả dần tùy theo khả năng của bà V.

*Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Minh P trình bày:*

Từ trước đến nay ông P không vay tiền hay ký giấy để vay bất kỳ khoản tiền nào của vợ chồng ông H, bà C. Việc bà V có vay tiền ông H, bà C hay không, vay vào thời gian nào, số tiền bao nhiêu, vay tiền làm gì ông P không

biết, bà V cũng không nói với ông P về việc có vay tiền của ông H, bà C. Sau khi nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Tòa án, ông P mới biết có khoản nợ 315.000.000 đồng của ông H, bà C. Nay ông H, bà C khởi kiện yêu cầu ông P, bà V trả số tiền gốc là 315.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ông P không đồng ý cùng bà V trả khoản nợ này cho ông H, bà C. Vì ông P và bà V đã ly hôn từ tháng 10/2018, hơn nữa P không ký giấy nợ và không biết gì về khoản vay này.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn ông Phạm Bá H, bà Nguyễn Ngọc C và bị đơn bà Nguyễn Thị V thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của đương sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Minh P không thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của đương sự.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thông báo về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Bá H, bà Nguyễn Ngọc C, buộc bà Nguyễn Thị V phải trả cho ông Phạm Bá H, bà Nguyễn Ngọc C 315.000.000 đồng tiền nợ gốc.

- Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Minh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Ông Phạm Bá H, bà Nguyễn Ngọc C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị V phải trả cho ông H, bà C số tiền nợ gốc là 315.000.000 đồng bà V vay của ông H và bà C, đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị V cư trú tại tổ dân phố 5, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện K thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn: Xét yêu cầu của ông Phạm Bá H và bà Nguyễn Ngọc C đòi bà Nguyễn Thị V trả 315.000.000 đồng tiền nợ gốc, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên tòa và quá trình giải quyết vụ án bà V thừa nhận ngày 30/4/2017 âm lịch (tức ngày 25/5/2017 dương lịch) bà V có vay của ông H, bà C 315.000.000 đồng, hạn trả là cuối tháng 11/2017 âm lịch (ngày 30/11/2017 âm lịch là ngày 16/01/2018 dương lịch), do kinh tế gia đình khó khăn nên bà V chưa trả được tiền cho ông H, bà C như đã thỏa thuận. Như vậy, việc bà V có vay của ông H, bà C số tiền 315.000.000 đồng là có thật, bà V không trả nợ cho ông H và bà C là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, cần chấp nhận yêu cầu của ông H và bà C, buộc bà V phải trả 315.000.000 đồng tiền nợ gốc cho ông H và bà C.

[3] Về tiền lãi: Ông Phạm Bá H, bà Nguyễn Ngọc C không yêu cầu bà Nguyễn Thị V phải trả tiền lãi đối với số tiền nợ gốc 315.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét ý kiến của bà Nguyễn Thị V: Bà V xác định hiện nay bà còn nợ ông H, bà C 315.000.000 đồng và đồng ý trả cho ông H, bà C, về thời hạn trả nợ bà V xin trả dần theo khả năng của mình nhưng không được ông H, bà C chấp nhận, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 315.000.000 đồng x 5% = 15.750.000 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.875.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Bá H và bà Nguyễn Ngọc C.

Buộc bà Nguyễn Thị V phải trả cho ông Phạm Bá H và bà Nguyễn Ngọc C số tiền nợ gốc là: 315.000.000 đồng (*ba trăm mười lăm triệu triệu đồng*).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 15.750.000 đồng (*mười lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*). Hoàn trả cho ông Phạm Bá H và bà Nguyễn Ngọc C 7.875.000 đồng (*bảy triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí số 14750 ngày 22/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Nguyễn Văn Ngọc**

